

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH HẢI**

Phụ lục I

*Kết quả triển khai 53 dịch vụ công thiết yếu tính từ 16/12/2023 đến thời điểm báo cáo
(kèm theo Công văn số /UBND-TCTĐA06 ngày /6/2024 của tổ công tác Đề án 06 huyện Ninh Hải)*

I. Kết quả 25 dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06/CP

STT	Dịch vụ công trực tuyến	Kết nối với Cổng DVC quốc gia	Tổng số hồ sơ (bao gồm cả trực tiếp và trực tuyến)				Tiết kiệm (Công thức tính được Quy định tại Điều 27 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 30/10/2017)					
			tổng	Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp	Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến	tỷ lệ tiếp nhận trực tuyến (%)	Nội dung cắt giảm, đơn giản	Tiết kiệm chi phí đi lại	Thời gian đi lại	Giảm chi phí tiết kiệm hồ sơ	Thu nhập bình quân đầu người/giờ	Chi phí tiết kiệm
1	Xác nhận số Chứng minh nhân dân khi đã được cấp thẻ Căn cước công dân		0	0	0							
2	Cấp lại, đổi thẻ căn cước công dân		1552	106	1446	93.2%						
3	Đăng ký thường trú		1,921	3	1,918	99.8%						
4	Đăng ký tạm trú		273	0	273	100.0%						
5	Khai báo tạm vắng											
6	Thông báo lưu trú		8,067	0	8,067	100.0%						
7	Đăng ký, cấp biển số mô tô, xe gắn máy		4,320	216	4,104	95.0%						
8	Thu tiền nộp phạt xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ qua thiết bị ghi hình (phạt nguội)		1,219	117	1,105	90.6%						
9	Đăng ký khai sinh		492	0	492	100.0%						
10	Đăng ký khai tử		202	0	202	100.0%						
11	Đăng ký kết hôn		345	0	345	100.0%						
12	Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu phổ thông											
13	Thủ tục làm con dấu mới và cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu											
14	Thủ tục làm con dấu thu nhỏ, dấu nổi, dấu xi và cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu con dấu											
15	Đăng kí dự thi tốt nghiệp THPT quốc gia và xét tuyển đại học, cao đẳng											
16	Cấp đổi, cấp lại giấy phép lái xe											
17	Liên thông đăng ký khai sinh đăng ký thường trú - cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi		911	0	911	100.0%						
18	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp											
19	Liên thông đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú – Trợ cấp mai táng phí		105	0	105	100.0%						

20	Tích hợp tính giảm trừ mức đóng trong gia hạn thẻ bảo hiểm y tế theo hộ gia đình											
21	Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ).	358	341	17	4.7%							
22	Đăng ký thuế lần đầu, đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là hộ gia đình, cá nhân	1,226	44	1,162	96.4%							
23	Cấp phiếu lý lịch tư pháp											
24	Cấp điện mới từ lưới điện hạ áp (220/380V) (Thí điểm cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu trong dịch vụ cung cấp điện)	632	0	632	100.0%							
25	Thay đổi chủ thẻ hợp đồng mua bán điện (Thí điểm cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu trong dịch vụ cung cấp điện)	277	0	277	100.0%							
	tổng											

II. Kết quả triển khai 28 dịch vụ công thiết yếu theo Quyết định 442/QĐ-TTg

STT	Dịch vụ công trực tuyến	Kết nối với Công DVC quốc gia	Tổng số hồ sơ (bao gồm cả trực tiếp và trực tuyến)				Tiết kiệm (Công thức tính được Quy định tại Điều 27 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 30/10/2017)					
			tổng	Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp	Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến	tỷ lệ tiếp nhận trực tuyến (%)	Nội dung cắt giảm, đơn giản	Tiết kiệm chi phí đi lại	Thời gian đi lại	Giảm chi phí tiết kiệm hồ sơ	Thu nhập bình quân đầu người/giờ	Chi phí tiết kiệm
1	Xác nhận thông tin về cư trú		339	0	339	100.0%						
2	Công nhận bằng cử nhân, bằng thạc sĩ, bằng tiến sĩ và văn bằng trình độ tương đương do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam											
3	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam											
4	Đăng ký tham gia đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện (tham gia mới; chuyển từ bảo hiểm xã hội bắt buộc sang bảo hiểm xã hội tự nguyện)		0		0							
5	Đăng ký đóng, cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với người chỉ tham gia bảo hiểm y tế		1	0	1	100.0%						

